TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Tú	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên
Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025)
Ông Hoàng Ngọc Quân	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Phan Trọng Tiến	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Tiến Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Quân	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Xuân Đạt	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Tùng Linh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15/8/2025)
Ông Lê Quang Chung	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Giám đốc điều hành
Ông Phan Trọng Tiến	Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 01/8/2025)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

M.S.D.N: 0100101403 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Tiến Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Người ký: TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN
Thời gian ký: 30.03.2026 16:26:23 +07:00

Số : 2603.08 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), *được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 41*, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến người đọc đến thuyết minh số V.20, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 26/02/2026 về việc tạm phân phối lợi nhuận năm 2025. Số liệu chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Ngô Bá Duy	**Phạm Thị Thu Hà**
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán	Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5382-2025-034-1*

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**673.699.876.959**	**754.594.897.962**
I Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**279.570.329.984**	**195.119.002.615**
1 Tiền	111	V.1.	279.570.329.984	195.119.002.615
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2.**	**50.000.000.000**	**20.000.000.000**
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	20.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**208.156.902.052**	**415.077.556.939**
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	208.433.846.637	230.235.806.288
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	7.286.046.084	27.662.737.825
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	22.550.000.000	14.550.000.000
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	1.897.175.971	154.433.768.236
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7.	(32.010.166.640)	(11.804.755.410)
IV Hàng tồn kho	**140**	**V.8.**	**67.979.695.351**	**116.318.568.298**
1 Hàng tồn kho	141		69.563.637.960	116.318.568.298
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.583.942.609)	-
V Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**67.992.949.572**	**8.079.770.110**
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	50.299.997	26.587.500
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.443.702.110	7.948.559.223
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	498.947.465	104.623.387
B TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**140.450.215.416**	**145.071.718.076**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II Tài sản cố định	**220**		**30.874.453.188**	**34.660.756.076**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	29.654.800.807	34.660.756.076
- *Nguyên giá*	*222*		*117.358.406.372*	*114.580.002.250*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*223*		*(87.703.605.565)*	*(79.919.246.174)*
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	1.219.652.381	-
- *Nguyên giá*	*228*		*5.466.506.491*	*3.850.706.491*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*229*		*(4.246.854.110)*	*(3.850.706.491)*
IV Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**81.711.574**	**3.766.633.283**
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12.	81.711.574	3.766.633.283
V Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2.**	**105.338.515.733**	**104.154.957.410**
1 Đầu tư vào công ty con	251		10.000.000.000	10.000.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		56.873.473.009	56.873.473.009
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.280.000.000	55.280.000.000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.814.957.276)	(17.998.515.599)
VI Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.155.534.921**	**2.489.371.307**
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	4.155.534.921	2.489.371.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		**814.150.092.375**	**899.666.616.038**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**635.431.616.339**	**727.421.569.852**
I	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**635.419.819.118**	**727.409.772.631**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	443.056.467.276	451.848.974.840
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	69.312.843.583	94.096.270.909
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	1.722.954.875	862.082.087
4	Phải trả người lao động	314		25.488.626.352	21.316.551.068
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	311.120.889	133.510.406
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	807.703.947	1.517.368.080
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.	87.706.354.461	151.537.953.218
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	-	2.700.000.000
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.013.747.735	3.397.062.023
II	**Nợ dài hạn**	**330**		**11.797.221**	**11.797.221**
1	Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	11.797.221	11.797.221
D	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**178.718.476.036**	**172.245.046.186**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.20.**	**178.718.476.036**	**172.245.046.186**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.996.220.000	89.996.220.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*89.996.220.000*	*89.996.220.000*
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		(159.000.000)	(159.000.000)
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.158.493.310	3.158.493.310
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		20.470.494.227	20.470.494.227
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.252.268.499	58.778.838.649
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		*45.279.405.649*	*42.067.447.324*
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*421b*		*19.972.862.850*	*16.711.391.325*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		**814.150.092.375**	**899.666.616.038**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Minh Lý	Đinh Đức Hải	Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1.**	**1.649.030.519.118**	**1.513.516.603.330**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	88.382.573	130.210.705
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**1.648.942.136.545**	**1.513.386.392.625**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	1.463.408.768.999	1.336.861.420.131
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**185.533.367.546**	**176.524.972.494**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	46.204.363.182	45.617.961.680
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	31.471.939.073	48.674.147.721
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*7.155.413.672*	*7.491.313.831*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	51.155.939.354	53.487.331.978
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	121.339.284.197	96.491.550.912
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**27.770.568.104**	**23.489.903.563**
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	1.672.552.865	930.579.118
12. Chi phí khác	32	VI.7.	702.973.369	393.479.817
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	**40**		**969.579.496**	**537.099.301**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**28.740.147.600**	**24.027.002.864**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	3.774.069.038	3.137.763.709
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**24.966.078.562**	**20.889.239.155**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Minh Lý	Đinh Đức Hải	Phạm Tiến Lâm

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***28.740.147.600***	***24.027.002.864***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.742.348.256	9.050.933.848
- Các khoản dự phòng	03		17.905.795.516	(5.204.989.852)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(92.482.539)	4.175.535.647
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.335.645.652)	(8.859.005.912)
- Chi phí lãi vay	06		7.155.413.672	7.491.313.831
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		***45.115.576.853***	***30.680.790.426***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		135.813.317.480	(49.732.713.080)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		46.754.930.338	(94.788.003.290)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(28.834.688.895)	37.020.361.071
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.689.876.111)	447.201.866
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.189.896.010)	(7.477.644.505)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.913.196.250)	(3.269.088.384)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.376.530.000)	(4.674.290.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***185.679.637.405***	***(91.793.385.896)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.271.123.659)	(13.787.943.853)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		350.000.000	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(97.830.000.000)	(83.328.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.830.000.000	113.968.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.621.947.022	8.775.805.413
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(23.299.176.637)***	***25.636.952.469***
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		464.002.741.925	522.437.549.118
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(527.357.205.716)	(514.162.459.358)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.499.433.000)	(13.499.433.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(76.853.896.791)***	***(5.224.343.240)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		85.526.563.977	(71.380.776.667)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**195.119.002.615**	**264.468.783.750**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.075.236.608)	2.030.995.532
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**VI.1.**	**279.570.329.984**	**195.119.002.615**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Minh Lý	Đinh Đức Hải	Phạm Tiến Lâm

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 221/CNN/TCLĐ ngày 24/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2006 theo Quyết định số 2882/QĐ-BCN ngày 13/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005. Tổng Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21/7/2025 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là **89.996.220.000 VND** *(Tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).*

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là MGG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu, gia công các sản phẩm dệt may và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện ngành dệt may.

Trụ sở Tổng Công ty: Số 59, phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp

Tổng Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty con là Công ty TNHH May Đức Giang có trụ sở tại phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam. Tại thời điểm 31/12/2025, tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty vào Công ty con là 100%, quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ góp vốn.

Danh sách Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	Số 355 đường Bà Triệu, Đông Thọ, TP. Thanh Hoá	23%	23%
Công ty Cổ phần Thời trang phát triển cao	Thôn Văn Lôi, xã Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	22,4%	22,4%
Công ty Cổ phần Bình Mỹ	Xã Trung Lương, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam	21,44%	21,44%

Công ty TNHH May Hưng Nhân	Lô L2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Thái Bình	29,14%	29,14%
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Km22+200 Tỉnh Lộ 282, Thôn Khoái Khê, Xã Nhân Thắng, Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh	35,39%	35,39%
Công ty Cổ phần Lạc Thủy	Khu 10, Thị trấn Chi Nê, Huyện Lạc Thuỷ, Hòa Bình	30%	30%
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang	Số 59 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	20%	20%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 356 người (Tại ngày 31/12/2024: 400 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Tổng Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, công ty liên kết (được trình bày tại thuyết minh số I.5) của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Trong đó:

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

8. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ

8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao (năm)*
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý thiết bị và chất lượng, lợi thế kinh doanh.

Phần mềm kế toán, Phần mềm quản lý thiết bị và chất lượng

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 08 năm.

Lợi thế kinh doanh

Đến thời điểm 31/12/2025, Lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty đã trích hết khấu hao từ các kỳ kế toán trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa, thuê dịch vụ, chi phí thi công nội thất showroom và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí thuê văn phòng, thuê xe: Chi phí thuê văn phòng, thuê xe là các chi trả cho nhiều tháng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê của hợp đồng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm cước internet, gia hạn phần mềm Email Protection renewal for XG 330,... có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Tổng Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Tổng Công ty bao gồm chi phí lãi vay phải trả và chi phí thuê gia công. Chi phí thuê gia công là chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Chi phí lãi vay là chi phí được trích trước dựa trên cơ sở hợp đồng và lãi suất thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu gia công , doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

17. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng

1. Tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền	**279.570.329.984**	**195.119.002.615**
Tiền mặt	268.278.938	107.904.475
Tiền gửi ngân hàng	279.302.051.046	195.011.098.140
Cộng	**279.570.329.984**	**195.119.002.615**

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (1)	-	-	*20.000.000.000*	-
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu - CN Thủ Đô - PGD Long Biên (2)	*50.000.000.000*	-	-	-
Cộng	**50.000.000.000**	-	**20.000.000.000**	-

(1) Hợp đồng tiền gửi số 230824/HDTG/01/20B01/5M/VPB - DG ngày 23/8/2024 với số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 152 ngày từ ngày 23/8/2024, lãi suất 4,75%/năm. Khoản tiền gửi đã tất toán trong năm.

(2) Hợp đồng tiền gửi số 0023/2025/LBN/HĐTG ngày 11/6/2025 với số tiền 50 tỷ đồng, kỳ hạn gửi 243 ngày từ ngày 11/06/2025 đến 09/02/2026, lãi suất 6,1%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty con	***10.000.000.000***	-		***10.000.000.000***	-	
Công ty TNHH May Đức Giang (*)	10.000.000.000	-		10.000.000.000	-	
Đầu tư vào công ty liên kết	***56.873.473.009***	***(15.061.801.741)***		***56.873.473.009***	***(16.177.365.331)***	
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh (*)	2.758.812.000	(1.633.573.606)		2.758.812.000	(1.812.660.119)	
Công ty CP Thời trang phát triển cao (*)	11.200.000.000	(2.844.538.606)		11.200.000.000	(3.297.711.551)	
Công ty CP Bình Mỹ (*)	8.576.450.000	-		8.576.450.000	-	
Công ty TNHH May Hưng Nhân (*)	13.260.000.000	-		13.260.000.000	-	
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành (*)	7.078.211.009	-		7.078.211.009	-	
Công ty CP Lạc Thủy (*)	12.000.000.000	(10.583.689.529)		12.000.000.000	(11.066.993.661)	
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang (*)	2.000.000.000	-		2.000.000.000	-	
Đầu tư vào đơn vị khác	***55.280.000.000***	***(1.753.155.535)***		***55.280.000.000***	***(1.821.150.268)***	
Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.500.000.000
Công ty CP May Đức Hạnh (*)	9.000.000.000	-		9.000.000.000	-	
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang (*)	11.700.000.000	-		11.700.000.000	-	
Công ty CP Đô Lương (*)	25.080.000.000	(1.753.155.535)		25.080.000.000	(1.821.150.268)	
Công ty CP Thời trang và Đầu tư Đức Giang (*)	4.500.000.000	-		4.500.000.000	-	
Cộng	**122.153.473.009**	**(16.814.957.276)**		**122.153.473.009**	**(17.998.515.599)**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số lượng cổ phiếu	Giá giao dịch	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	Giá giao dịch	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác						
Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không (i)	500.000	10.000	5.000.000.000	500.000	11.000	5.500.000.000
Cộng	**500.000**	**10.000**	**5.000.000.000**	**500.000**	**11.000**	**5.500.000.000**

(i) Khoản đầu tư vào Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không, có mã giao dịch là AIC trên thị trường Upcom, giá chốt phiên ngày 31/12/2025 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty con và các Công ty liên kết

1) Công ty TNHH May Đức Giang

Công ty TNHH May Đức Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105186432 thay đổi lần thứ hai (02) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/08/2018. Công ty có trụ sở tại Số 59, phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May Đức Giang: mua hàng, bán hàng.

2) Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh

Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800486946 thay đổi lần thứ hai (02) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/05/2021. Công ty có trụ sở tại Số 355 Bà Triệu, Phường Hàm Rồng, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh: mua hàng, bán hàng.

3) Công ty CP Thời trang phát triển cao

Công ty CP Thời trang Phát triển cao được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500562543 thay đổi lần thứ sáu (06) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Tây cấp ngày 16/01/2024. Công ty có trụ sở tại thôn Vân Lôi, Xã Hạ Bằng, TP Hà Nội, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Thời trang phát triển cao: mua hàng, bán hàng, cho vay và nhận cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4) Công ty CP Bình Mỹ

Công ty CP Bình Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp công ty cổ phần số 0700258195 thay đổi lần thứ bốn (04) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/03/2019. Công ty có trụ sở tại Cụm CN Bình Lục, Xã Bình An, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Bình Mỹ: nhận cổ tức.

5) Công ty TNHH May Hưng Nhân

Công ty TNHH May Hưng Nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 1000230421 thay đổi lần thứ mười (10) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 08/11/2017. Công ty có trụ sở tại Lô L2, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May Hưng Nhân: mua hàng, bán hàng, cho vay.

6) Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành

Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 2300523477 thay đổi lần thứ sáu (06) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 14/05/2020. Công ty có trụ sở tại Thôn Khoái Khê, Xã Nhân Thắng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành: mua hàng, bán hàng, nhận cổ tức.

7) Công ty CP Lạc Thủy

Công ty CP Lạc Thủy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400433945 thay đổi lần thứ năm (05) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 24/01/2024. Công ty có trụ sở tại Thôn Sông Bôi, Xã An Nghĩa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Lạc Thủy: mua hàng, bán hàng, cho vay.

8) Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang

Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107475359 thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/06/2020. Công ty có trụ sở tại Số 59, phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực giặt là.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang: mua hàng, bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	-	-	5.530.462.229	-
AO "ODEZHDA 3000"	6.100.439.820	(2.673.391.197)	6.412.225.809	-
Công ty CP Thời Trang và Đầu tư Đức Giang	21.550.374.879	-	25.436.509.085	-
Tổng Cục Thuế (Nay là Cục Thuế)	10.732.038.300	-	36.252.979.920	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	27.353.000.817	-	27.692.517.307	-
Asmara International Ltd	-	-	2.719.047.628	-
LLC "MK-Rent"	23.123.284.287	(15.675.936.698)	22.390.844.481	-
MODES MOOSE INC.	19.553.631.920	-	3.770.992.925	-
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	11.710.142.568	(8.521.152.979)	13.504.606.532	(7.077.063.137)
NewFashion LLC	11.104.324.318	-	14.962.477.272	-
Các đối tượng khác	77.206.609.728	(5.139.685.766)	71.563.143.100	(4.727.692.273)
Cộng	**208.433.846.637**	**(32.010.166.640)**	**230.235.806.288**	**(11.804.755.410)**

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lạc Thủy	4.143.321.417	17.119.598.386
Công ty TNHH Thiết bị bảo vệ và Phát triển công nghệ cao Khải Hoàn	-	2.022.783.440
Shekhani Industries	1.197.252.179	1.533.719.654
Các đối tượng khác	1.945.472.488	6.986.636.345
Cộng	**7.286.046.084**	**27.662.737.825**

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Lạc Thủy (*)	22.550.000.000	-	14.550.000.000	-
Cộng	**22.550.000.000**	**-**	**14.550.000.000**	**-**

(*) Cho Công ty Cổ phần Lạc Thủy vay theo các hợp đồng có thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất cho vay từ 5,1%/năm đến 7,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.3*

6. Phải thu khác

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khác	1.897.175.971	-	154.433.768.236	-
Thuế GTGT để nghị hoàn	-	-	*153.836.420.714*	-
Lãi dự thu	*1.704.657.534*	-	*340.958.904*	-
Hoàng Văn Sơn	*80.119.000*	-	*174.718.000*	-
Các đối tượng khác	*112.399.437*	-	*81.670.618*	-
Cộng	**1.897.175.971**	**-**	**154.433.768.236**	**-**

7. Nợ xấu

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng				
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển FLC Hạ Long	1.769.690.255	32.211.299	1.769.690.255	382.597.776
Công ty TNHH FLC Sầm sơn Golf & Resort	1.700.000.000	-	2.000.000.000	-

Công ty Cổ phần FLC Quy Nhơn Golf & Resort	799.075.840	-	799.075.840	239.722.752
Công ty Cổ phần FLC Travel	903.130.970	-	903.130.970	121.884.264
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	11.710.142.568	3.188.989.589	12.881.238.794	5.804.175.657
LLC "MK-Rent"	23.123.284.287	7.447.347.589	-	-
AO "ODEZHDA 3000"	6.100.439.820	3.427.048.623	-	-
Cộng	**46.105.763.740**	**14.095.597.100**	**18.353.135.859**	**6.548.380.449**

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Nguyên liệu, vật liệu	29.550.943.138	-	46.951.294.667	-
Công cụ, dụng cụ	35.806.500	-	51.596.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.519.830.373	-	39.872.036.608	-
Thành phẩm	19.873.115.340	-	24.544.447.134	-
Hàng hóa	1.583.942.609	(1.583.942.609)	4.899.193.389	-
Cộng	**69.563.637.960**	**(1.583.942.609)**	**116.318.568.298**	-

9. Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	***50.299.997***	***26.587.500***
Chi phí thuê dịch vụ chờ phân bổ	50.299.997	26.587.500
b) Dài hạn	***4.155.534.921***	***2.489.371.307***
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	367.579.430	1.010.873.713
Chi phí sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc chờ phân bổ	3.465.366.597	1.379.295.929
Chi phí thuê dịch vụ chờ phân bổ	307.051.397	62.947.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.537.497	36.254.165
Cộng	**4.205.834.918**	**2.515.958.807**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2025	**70.781.484.997**	**2.166.172.374**	**16.115.447.196**	**1.199.522.470**	**24.317.375.213**	**114.580.002.250**
Mua trong năm	-	40.000.000	1.152.349.629	-	554.974.956	**1.747.324.585**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.561.841.246)	-	-	**(1.561.841.246)**
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	2.592.920.783	**2.592.920.783**
Số dư ngày 31/12/2025	**70.781.484.997**	**2.206.172.374**	**15.705.955.579**	**1.199.522.470**	**27.465.270.952**	**117.358.406.372**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư ngày 01/01/2025	**43.809.423.502**	**1.192.512.740**	**15.787.774.552**	**1.199.522.470**	**17.930.012.910**	**79.919.246.174**
Khấu hao trong năm	5.140.697.316	493.226.643	317.994.022	-	3.394.282.656	**9.346.200.637**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.561.841.246)	-	-	**(1.561.841.246)**
Số dư ngày 31/12/2025	**48.950.120.818**	**1.685.739.383**	**14.543.927.328**	**1.199.522.470**	**21.324.295.566**	**87.703.605.565**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	**26.972.061.495**	**973.659.634**	**327.672.644**	**-**	**6.387.362.303**	**34.660.756.076**
Tại ngày 31/12/2025	**21.831.364.179**	**520.432.991**	**1.162.028.251**	**-**	**6.140.975.386**	**29.654.800.807**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.410.896.294 VND (Tại 31/12/2024 là 47.753.926.433 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm kế toán, Phần mềm Quản lý thiết bị và chất lượng	Lợi thế kinh doanh	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2025	**2.474.581.875**	**1.376.124.616**	**3.850.706.491**
Mua trong năm	1.615.800.000	-	**1.615.800.000**
Số dư ngày 31/12/2025	**4.090.381.875**	**1.376.124.616**	**5.466.506.491**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư ngày 01/01/2025	**2.474.581.875**	**1.376.124.616**	**3.850.706.491**
Khấu hao trong năm	396.147.619	-	**396.147.619**
Số dư ngày 31/12/2025	**2.870.729.494**	**1.376.124.616**	**4.246.854.110**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	**1.219.652.381**	-	**1.219.652.381**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.850.706.491 VND (Tại ngày 31/12/2024 là: 3.850.706.491 VND)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Mua sắm TSCĐ	-	*552.000.000*
Phần mềm quản lý thiết bị số	-	552.000.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	**2.500.630.556**
Thi công cải tạo nhà kho số 2 - Tổng công ty Đức Giang	-	2.500.630.556
Xây dựng cơ bản dở dang	*81.711.574*	*714.002.727*
Thi công lắp đặt hệ thống PCCC tự động Sprinkler và khu vực ngoài nhà	81.711.574	-
Cung cấp, lắp đặt hệ thống hút khói tầng 3 - nhà kho 3 tầng	-	714.002.727
Cộng	**81.711.574**	**3.766.633.283**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

13. Phải trả người bán

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH May Đức Giang	62.888.108.824	62.888.108.824	45.671.221.207	45.671.221.207
Shin Hwa Tex Co., Ltd	129.876.068.859	129.876.068.859	127.440.709.669	127.440.709.669
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	24.342.506.317	24.342.506.317	29.812.330.578	29.812.330.578
Công ty CP Thương Mại và Đầu tư Đức Giang	32.495.421.292	32.495.421.292	51.095.050.399	51.095.050.399
Gerry Webber International AG	17.558.407.132	17.558.407.132	17.008.562.787	17.008.562.787
Textyle Asia Pte Ltd	68.419.926.750	68.419.926.750	66.592.549.515	66.592.549.515
Các đối tượng khác	107.476.028.102	107.476.028.102	114.228.550.685	114.228.550.685
Cộng	**443.056.467.276**	**443.056.467.276**	**451.848.974.840**	**451.848.974.840**

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Textyle Asia Pte Ltd	8.822.945.482	20.490.620.656
Alfwear Inc., DBA Kuhl	10.669.484.688	28.604.674.722
The Levy Group Inc	37.869.826.851	36.319.365.732
Các đối tượng khác	11.950.586.562	8.681.609.799
Cộng	**69.312.843.583**	**94.096.270.909**

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	862.082.087	3.774.069.038	2.913.196.250	1.722.954.875
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.743.272.558	1.743.272.558	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	862.082.087	5.520.341.596	4.659.468.808	1.722.954.875

b) Phải thu

Thuế GTGT đầu ra	15.284.247	54890035	54890035	15.284.247
Thuế thu nhập cá nhân	89.339.140	4.144.540.554	4.378.058.201	322.856.787
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	296.014.682	456.821.113	160.806.431
Cộng	**104.623.387**	**4.495.445.271**	**4.889.769.349**	**498.947.465**

16. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay trích trước	45.501.380	79.983.718
Chi phí thuê ngoài gia công phải trả	187.367.156	53.526.688
Chi phí nguyên vật liệu trích trước	67.813.024	-
Chi phí trích trước phí chuyển phát nhanh	10.439.329	-
Cộng	**311.120.889**	**133.510.406**

17. Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	***807.703.947***	***1.517.368.080***
Kinh phí công đoàn	67.634.125	96.197.290
Bảo hiểm xã hội	-	-
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	10.250.826	10.250.826
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Phải trả khác	260.468.220	315.099.220
Dư có TK 1388	469.350.776	1.095.820.744
Thuế TNCN phải thu của CBNV	*469.350.776*	*1.095.820.744*
b) Dài hạn	***11.797.221***	***11.797.221***
Khoản nhận đặt cọc tiền hàng	11.797.221	11.797.221
Cộng	**819.501.168**	**1.529.165.301**

18. Dự phòng phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Dự phòng tiền lương	-	2.700.000.000
Cộng	**-**	**2.700.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 VND		Trong năm VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương (1)	2.068.089.213	2.068.089.213	57.678.714.708	86.037.674.853	30.427.049.358	30.427.049.358
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (2)	-	-	-	5.135.424.714	5.135.424.714	5.135.424.714
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (3)	85.638.265.248	85.638.265.248	414.695.616.338	445.032.830.236	115.975.479.146	115.975.479.146
Cộng	**87.706.354.461**	**87.706.354.461**	**472.374.331.046**	**536.205.929.803**	**151.537.953.218**	**151.537.953.218**

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT128-TCTDG ngày 17/10/2025 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hạn mức vay không vượt quá 170.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 17/10/2026. Thời hạn của từng khoản vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT127-TDG ngày 03/10/2024 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hạn mức vay không vượt quá 100.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 03/10/2025. Thời hạn của từng khoản vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay đã tất toán trong năm.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 96/25/CTD/VCBCD-DUCGIANG ngày 08/10/2025 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo giới hạn cấp tín dụng là 400.000.000.000 đồng, giới hạn cấp tín dụng này bao gồm cả số dư theo Hợp đồng cấp tín dụng số 123/24/CTD/VCBCD-DUCGIANG ngày 21/10/2024. Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng đến hết ngày 07/10/2026. Lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển (***)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**89.996.220.000**	**(159.000.000)**	**3.158.493.310**	**20.470.494.227**	**42.067.447.324**	**155.533.654.861**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	20.889.239.155	20.889.239.155
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(4.177.847.830)	(4.177.847.830)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**89.996.220.000**	**(159.000.000)**	**3.158.493.310**	**20.470.494.227**	**58.778.838.649**	**172.245.046.186**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	24.966.078.562	24.966.078.562
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(13.499.433.000)	(13.499.433.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(4.993.215.712)	(4.993.215.712)
Số dư tại ngày 31/12/2025	**89.996.220.000**	**(159.000.000)**	**3.158.493.310**	**20.470.494.227**	**65.252.268.499**	**178.718.476.036**

(*) Chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 65/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025.

(**) Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 59/NQ-HĐQT ngày 26/02/2026.

(***) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Tổng Công ty.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	31.692.220.000	31.692.220.000
Vốn góp của cổ đông khác	58.304.000.000	58.304.000.000
Cộng	**89.996.220.000**	**89.996.220.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	**89.996.220.000**	**89.996.220.000**
Vốn góp đầu năm	89.996.220.000	89.996.220.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	89.996.220.000	89.996.220.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**13.499.433.000**	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.999.622	8.999.622
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.999.622	8.999.622
- Cổ phiếu phổ thông	*8.999.622*	*8.999.622*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.999.622	8.999.622
- Cổ phiếu phổ thông	*8.999.622*	*8.999.622*

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng

a) Tài sản nhận giữ hộ:

- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công:

Chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	31/12/2025 Số lượng	01/01/2025 Số lượng
Vải, da, bông, lông,..	m	277.047,8	659.342,8
Lông vũ	YDS	6,0	19
Chỉ may	Cuộn	10.280,6	1.352
Hạt chống ẩm	Kg	1.463,3	500
Mắc áo, cúc, nhãn,..	Chiếc	1.298.395,6	2.460.914,51
Cúc dập, ô zê	Bộ	57.883,0	-

b) Ngoại tệ các loại:

	31/12/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	9.155.893,47	5.766.484,58

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm dịch vụ	1.649.030.519.118	1.513.516.603.330
Cộng	**1.649.030.519.118**	**1.513.516.603.330**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	88.382.573	130.210.705
Cộng	**88.382.573**	**130.210.705**

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa, sản phẩm dịch vụ	1.463.408.768.999	1.336.861.420.131
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.583.942.609	-
Cộng	**1.463.408.768.999**	**1.336.861.420.131**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.127.611.547	3.114.802.503
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.858.034.105	5.735.112.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	28.126.234.991	36.768.046.677
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	92.482.539	-
Cộng	**46.204.363.182**	**45.617.961.680**

b) Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

5. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	7.155.413.672	7.491.313.831
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.500.083.724	36.808.150.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	4.175.535.647
Trích lập/hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.183.558.323)	199.148.189
Cộng	**31.471.939.073**	**48.674.147.721**

b) Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

6. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Thu nhập khác		
Tiền phạt thu được, giảm trừ hàng lỗi	1.112.080.744	582.830.611
Thu từ thanh lý tài sản cố định	350.000.000	9.090.909
Thu nhập khác	210.472.121	338.657.598
Cộng	**1.672.552.865**	**930.579.118**

b) Thu nhập khác đối với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

7. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí phạt hợp đồng	702.943.810	393.476.226
Chi phí khác	29.559	3.591
Cộng	**702.973.369**	**393.479.817**

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	***51.155.939.354***	***53.487.331.978***
Chi phí nhân viên	18.511.242.103	17.090.459.095
Chi phí vật liệu, bao bì	3.115.656.275	2.457.865.473
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	301.360.093	1.029.795.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.854.360.011	5.001.108.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	24.373.320.872	27.905.103.726
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***121.510.274.395***	***97.392.794.932***
Chi phí nhân viên quản lý	77.181.297.169	64.285.035.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	854.668.090	1.540.367.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.887.988.245	4.049.825.603
Thuế, phí và lệ phí	1.204.764.479	2.870.243.754
Chi phí dự phòng tiền lương	-	2.700.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	20.376.401.428	6.797.105.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.321.862.338	1.284.213.994
Chi phí bằng tiền khác	15.683.292.646	13.866.002.844
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	***(170.990.198)***	***(901.244.020)***
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(170.990.198)	(901.244.020)
Cộng	**172.495.223.551**	**149.978.882.890**

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	656.964.194.760	558.640.197.754
Chi phí nhân công	95.692.539.272	81.375.494.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.742.348.256	9.050.933.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	776.595.347.959	574.665.856.361
Chi phí khác bằng tiền	44.227.769.069	47.211.512.771
Cộng	**1.583.222.199.316**	**1.270.943.995.579**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	28.740.147.600	24.027.002.864
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	14.858.034.105	5.735.112.500
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	747.596.644	2.083.494.194
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	1.451.394.450	(4.991.714.771)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	16.081.104.589	15.383.669.787
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.216.220.918	3.076.733.957
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	557.848.120	61.029.752
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.774.069.038	3.137.763.709

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính riêng này mà được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	7.454.358	2.456.329.292
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	484.589.324	-

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	464.002.741.925	522.437.549.118

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	527.357.205.716	514.162.459.358

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Tổng Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

(*) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH May Đức Giang	Công ty con
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Công ty liên kết
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết
Công ty CP Bình Mỹ	Công ty liên kết
Công ty CP Thời trang phát triển cao	Công ty liên kết
Công ty CP Lạc Thủy	Công ty liên kết
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty CP Chứng khoán phố Wall	Cổ đông góp vốn
Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đình Tú	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025), Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Quân	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025), Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Trọng Tiến	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025), Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Xuân Đạt	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Tùng Linh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15/8/2025)
Ông Lê Quang Chung	Phó Tổng giám đốc

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Giám đốc điều hành
Ông Phan Trọng Tiến	Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 01/8/2025)
Ông Đinh Đức Hải	Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Vân Oanh	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên ban Kiểm soát (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025)
Bà Đặng Thị Ngọc Hương	Thành viên ban Kiểm soát
Ông Phạm Đưc Long	Thành viên ban Kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Bà Vũ Thị Lý	Thành viên ban kiểm toán nội bộ
Bà Trịnh Thanh Huyền	Thành viên ban kiểm toán nội bộ
Bà Lê Lan Hương	Thành viên ban kiểm toán nội bộ

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng		
Công ty CP Sản xuất Thương mại và Đầu Tư Việt Thanh	22.613.167.260	20.784.695.947
Công ty TNHH May và Thương Mại Việt Thành	41.755.061.311	23.565.208.805
Công ty TNHH May Hưng Nhân	95.544.105.697	99.901.534.031
Công ty TNHH May Đức Giang	135.251.863.151	121.108.241.593
Công ty Cổ phần Giặt là và Đầu Tư Đức Giang	647.653.061	884.839.368
Công ty CP Thời Trang Phát Triển Cao	68.799.208.074	69.318.107.006
Công ty Cổ phần Lạc Thuỷ	72.752.249.259	47.062.290.398
Tập đoàn dệt may Việt Nam	173.968.254	141.800.000
Bán hàng		
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	76.862.500	55.462.500
Công ty CP Lạc Thủy	841.400.000	426.700.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	43.400.000	83.500.000
Công ty TNHH May Đức Giang	2.298.619.338	2.110.865.935
Công ty TNHH May Hưng Nhân	476.382.582	659.025.566
Công ty TNHH May và Thương Mại Việt Thành	38.530.836	24.828.000
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	142.865.467.724	121.169.969.967
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang	838.351.767	775.198.030
Cho vay		
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	7.000.000.000
Công ty CP Lạc Thủy	47.830.000.000	40.228.000.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	-	9.100.000.000
Thu hồi cho vay		
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	7.000.000.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	-	19.600.000.000
Công ty CP Lạc Thủy	39.830.000.000	50.368.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Cổ tức nhận được		
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	4.246.926.605	-
Công ty CP Bình Mỹ	428.822.500	2.144.112.500
Công ty TNHH May Hưng Nhân	1.591.200.000	-
Lãi cho vay		
Công ty CP Thời trang phát triển cao	-	381.081.371
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	167.539.726
Công ty CP Lạc Thủy	1.191.018.248	1.198.312.856
Thu nhập khác từ tiền phạt		
Công ty TNHH May Hưng Nhân	578.593.810	308.503.059
Công ty TNHH May Đức Giang	23.656.285	27.777.540
Công ty CP Thời trang phát triển cao	1.100.000	178.856.000
Công ty CP Sản xuất Thương mại và Đầu Tư Việt Thanh	57.558.058	-

(*) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	27.353.000.817	27.692.517.307
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang	201.062.384	10.118.426
Phải trả người bán		
Công ty TNHH May Hưng Nhân	4.207.820.004	3.264.365.373
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	2.005.277.114	507.424.856
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	24.342.506.317	29.812.330.578
Công ty CP Thời trang phát triển cao	2.645.372.266	-
Công ty TNHH May Đức Giang	62.888.108.824	45.671.221.207
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	-	97.200.000
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Thời trang phát triển cao	-	2.195.213.975
Công ty CP Lạc Thủy	4.143.321.417	17.119.598.386
Cho vay		
Công ty CP Lạc Thủy	22.550.000.000	-

(*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Tổng Công ty

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	12.285.833.633	11.277.585.766
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	506.666.666	573.333.333
Cộng	**12.792.500.299**	**11.850.919.099**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm 2025 cụ thể như sau:

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc			
Họ tên	***Chức danh***	***9.410.634.166***	***8.562.427.989***
Ông Phạm Tiến Lâm	Tổng Giám đốc	1.734.082.895	1.643.507.368
Ông Phạm Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	1.392.069.464	1.337.750.486
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng giám đốc	1.036.304.190	994.912.430
Ông Hoàng Ngọc Quân	Phó Tổng giám đốc	1.086.362.260	1.061.877.697
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc	923.715.135	892.621.762
Ông Bùi Xuân Đạt	Phó Tổng giám đốc	868.820.573	837.286.961
Ông Phạm Tùng Linh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15/8/2025)	898.862.191	824.289.078
Ông Lê Quang Chung	Phó Tổng giám đốc	933.630.001	797.082.207
Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Giám đốc điều hành	218.780.000	173.100.000
Ông Phan Trọng Tiến	Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 01/8/2025)	318.007.457	-
Thu nhập của Kế toán trưởng và các thành viên quản lý khác			
Họ tên	***Chức danh***	***2.875.199.467***	***2.715.157.777***
Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.985.348.748	1.898.431.490
Ông Đinh Đức Hải	Kế toán trưởng	889.850.719	816.726.287
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị			
Họ tên	***Chức danh***	***359.999.999***	***408.888.889***
Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch HĐQT	93.333.333	106.666.666
Ông Nguyễn Đình Tú	Ủy viên HĐQT	66.666.667	75.555.556
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên HĐQT	66.666.667	75.555.555
Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/04/2025)	22.222.222	75.555.556
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/04/2025)	22.222.222	75.555.556
Ông Hoàng Ngọc Quân	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/04/2205)	44.444.444	-
Ông Phan Trọng Tiến	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/04/2205)	44.444.444	-
Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát			
Họ tên	***Chức danh***	***146.666.667***	***164.444.444***
Bà Nguyễn Thị Vân Oanh	Trưởng ban Kiểm soát	66.666.667	75.555.556
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên ban Kiểm soát (Hết nhiệm kỳ ngày 21/4/2025)	13.333.333	44.444.444
Bà Đặng Thị Ngọc Hương	Thành viên ban Kiểm soát	40.000.000	44.444.444
Ông Phạm Đức Long	Thành viên ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 21/4/2025)	26.666.667	-
Cộng		12.792.500.299	11.850.919.099

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Minh Lý	Đinh Đức Hải	Phạm Tiến Lâm